

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Trương
2. Ông Phạm Hoàng Tấn

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2021/QĐ – HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tiền Thị Hiền P, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PX, thị trấn MD, huyện CT, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PX, thị trấn MD, huyện CT, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/05/2020, quá trình tố tụng và tại tòa hôm nay, nguyên đơn bà Tiền Thị Hiền P trình bày:

Bà Tiền Thị Hiền P và ông Nguyễn Văn T qua tìm hiểu được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 1990 và không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống ông T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường cãi vã nhau và vợ chồng chính thức ly thân từ năm cuối năm 2019 đến nay. Do tình cảm không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà P và ông T có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 11/04/1994; Nguyễn Tiền Như N, sinh ngày 05/10/1996; Nguyễn Tiền Như Y, sinh ngày 03/9/2002 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn Nguyễn Văn Trọng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tiền Thị Hiền P và ông Nguyễn Văn T qua qua tìm hiểu được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau vào khoảng năm 1990. Quá trình chung sống với nhau ông T và bà P có đầy đủ các điều kiện về kết hôn theo quy định nhưng ông T và bà P không đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà P xin được ly hôn với ông T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà P và ông T là vợ chồng

[3] Về con chung: Bà P và ông T có 03 con chung là là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 11/04/1994; Nguyễn Tiền Như N, sinh ngày 05/10/1996; Nguyễn Tiền Như Y, sinh ngày 03/9/2002 hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết

[4] Về tài sản chung; Đương sự tự thỏa thuận, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Tiền Thị Hiền P và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không đề cập xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tiền Thị Hiền P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004288 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDT. Hậu Giang;
- VKS nhân dân H. Châu Thành;
- THA H. Châu Thành;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phát Lộc